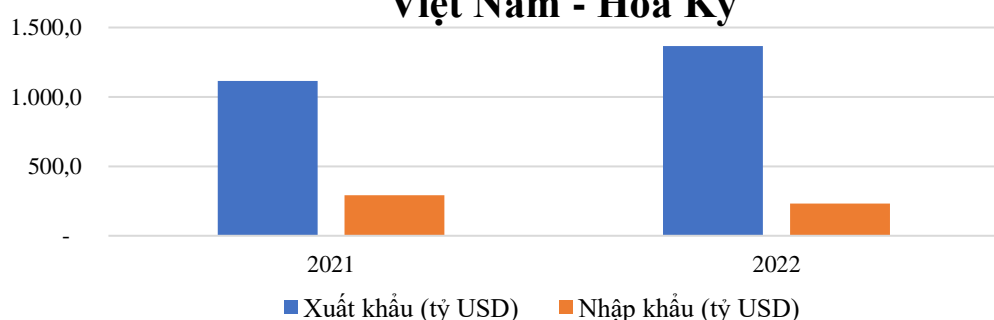


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



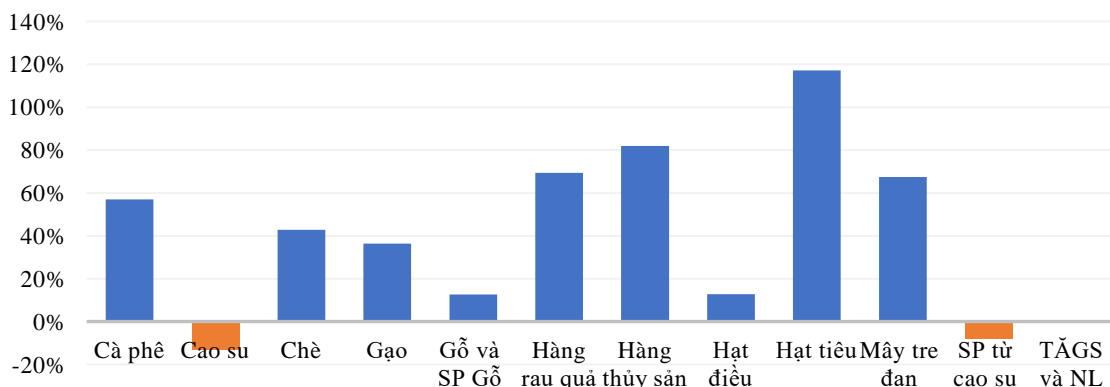
### Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (1T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 22,4%
- Nhập khẩu ▼ 20,4%

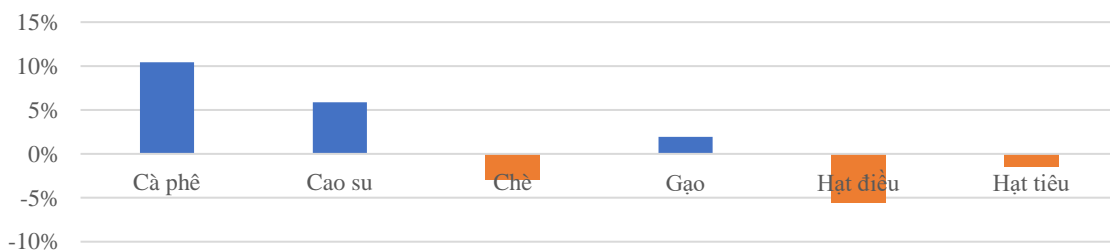
### Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ T1-2022 so với T1-2021



So sánh T1-2021/2020

- Cà phê ▲ 56,9%
- Cao su ▼ 13,2%
- Chè ▲ 42,7%
- Gạo ▲ 36,4%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 12,7%
- Rau quả ▲ 69,4%
- Thủy sản ▲ 81,9%
- Hạt điều ▲ 12,7%
- Hạt tiêu ▲ 117,1%
- Mây tre đan ▲ 67,4%
- SP từ cao su ▼ 8%
- TĂGS và NL ▼ 0,1%

### Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T1/2022 so với T12/2021



So sánh giá xuất khẩu bình quân T1-2021/2020

- Cà phê ▲ 25,6%
- Cao su ▼ 9,1%
- Chè ▲ 26,2%
- Gạo ▲ 10,2%
- Hạt điều ▲ 9,8%
- Hạt tiêu ▲ 62,3%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2022, xuất khẩu NLTS sang Hoa Kỳ đã vượt qua Trung Quốc, trở thành thị trường xuất khẩu số 1 của Việt Nam, với giá trị đạt 1,36 tỷ USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 232 triệu USD, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 1/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 68%), thủy sản (14,6%), hạt điều (5,4%). So với tháng 12/2021, hầu hết các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm trước như: hạt tiêu tăng 117%, hàng thủy sản tăng 81,9%, hàng rau quả 69,4%, cà phê tăng 56,9% và chè tăng 42,7%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: cao su giảm 13,2%, sản phẩm từ cao su giảm 8%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Với dư địa còn khá lớn khi quy mô dân số hơn 333 triệu người đang trong giai đoạn phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, Mỹ là thị trường tiềm năng với hàng hóa Việt Nam. Thông thường những tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ thường chững lại, nhưng năm nay, giá trị xuất khẩu những mặt hàng này lại ghi nhận tăng trưởng dương. Doanh nghiệp thủy sản phải làm việc liên tục đáp ứng nhu cầu của đối tác.

Trong khi, Việt Nam được coi là một trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ, nhưng tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản mới chỉ chiếm khoảng 1 - 2% giá trị nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ do còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ vấn đề về thị hiếu, thói quen cho đến những vấn đề về chất lượng an toàn thực phẩm và bảo quản. Tuy nhiên, yếu tố về giá vẫn là một lợi thế cạnh tranh của Việt Nam.

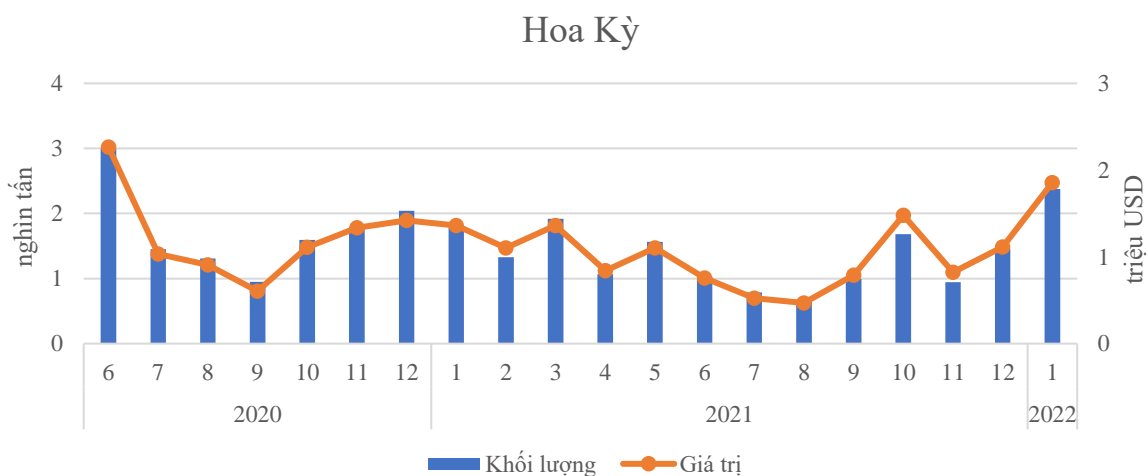
Để thâm nhập vào thị trường Hoa Kỳ, Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương khuyến nghị, doanh nghiệp Việt Nam quan tâm hơn nữa đến chất lượng, tiêu chuẩn nhập khẩu của Hoa Kỳ được kiểm soát bởi Cơ quan Quản lý thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA). Các doanh nghiệp cần phải hiểu rõ luật tiểu bang, liên bang và các quy định riêng tại thị trường Hoa Kỳ. Trước khi bước vào thị trường mới, doanh nghiệp cần phải nghiên cứu thật đầy đủ, đặc biệt thị trường ngách, định vị lợi thế của hàng hóa Việt Nam so với sản phẩm cùng loại của các quốc gia Thái Lan, Đài Loan, Mexico....

## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2,4 nghìn tấn gạo, trị giá 1,9 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 63,3% về khối lượng và 66,5% về giá trị so với tháng trước; và tăng 32,2% về khối lượng và 36,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

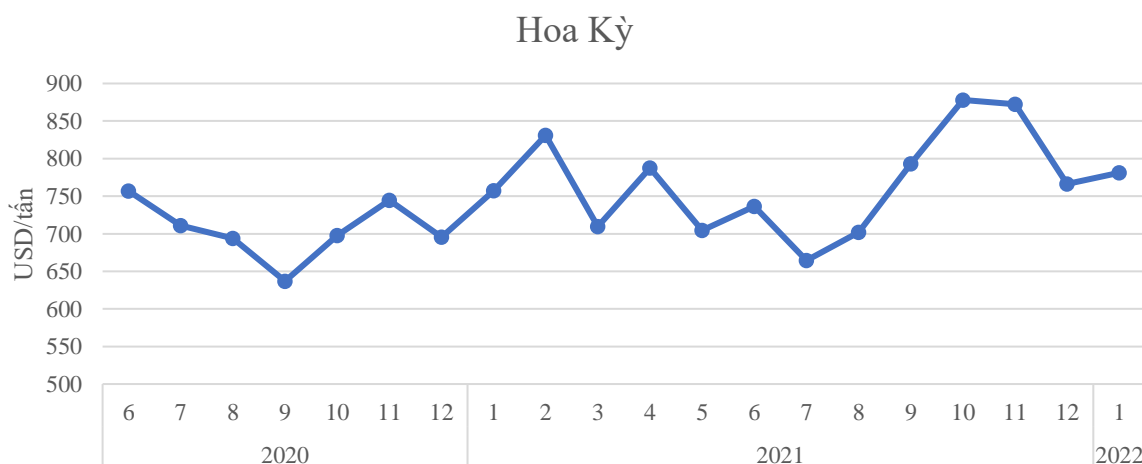
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2022 đạt 781,4 USD/tấn, tăng 1,9% so với tháng trước và 3,2% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**

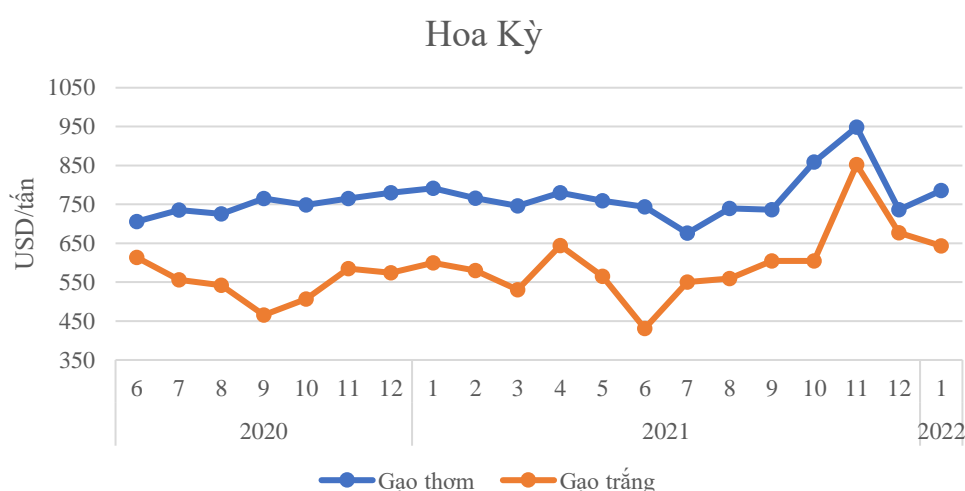


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 1/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,9 nghìn tấn, trị giá 1,6 triệu USD (chiếm 81,6% về khối lượng và 85,2% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 37,3% về khối lượng và 40,4% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 1/2022 đạt trung bình 785,4 USD/tấn, tăng 6,6% so với tháng trước nhưng giảm 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 643,6 USD/tấn, giảm 4,9% so với tháng trước nhưng tăng 7,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

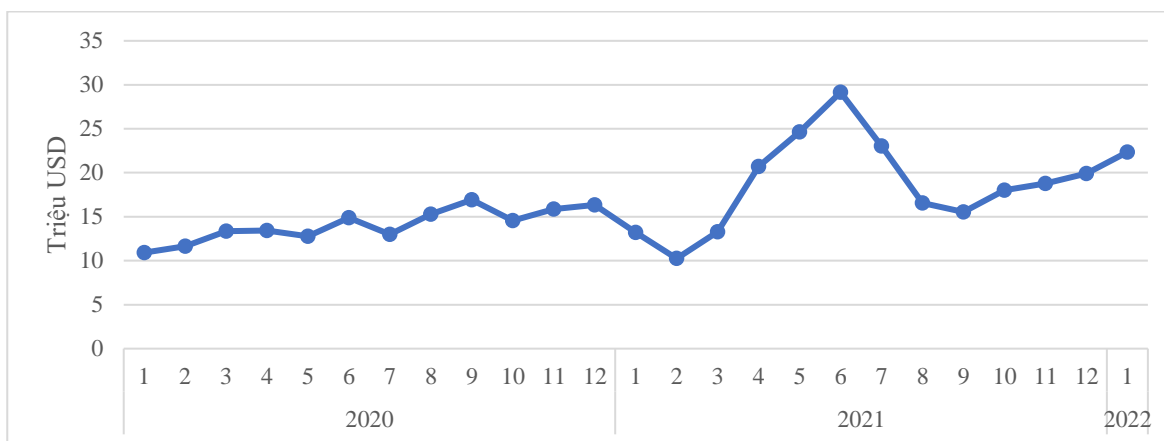
Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

## 2. RAU QUẢ

Cơ quan Kiểm dịch động thực vật của Hoa Kỳ (APHIS) đã ra quyết định tạm dừng các hoạt động kiểm tra bờ ở Michoacan, Mexico cho đến khi có thông báo mới. Quyết định này được đưa ra sau khi một trong những quan chức đang kiểm tra các lô hàng xuất khẩu ở thành phố Uruapan của APHIS nhận được một cuộc điện thoại đe dọa. Michoacan là nhà sản xuất bơ lớn nhất thế giới, với 85% sản lượng được xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Đây cũng là một trong những bang của Mexico bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi bạo lực liên quan đến các tội phạm có tổ chức, vốn cũng nhắm vào các nhà sản xuất bơ, những người phải đối mặt với hành vi trộm cắp, tấn công và tống tiền.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1 năm 2022 đạt 22,4 triệu USD, chiếm 7,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 12,3% so với tháng trước và tăng 69,4% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4:** Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

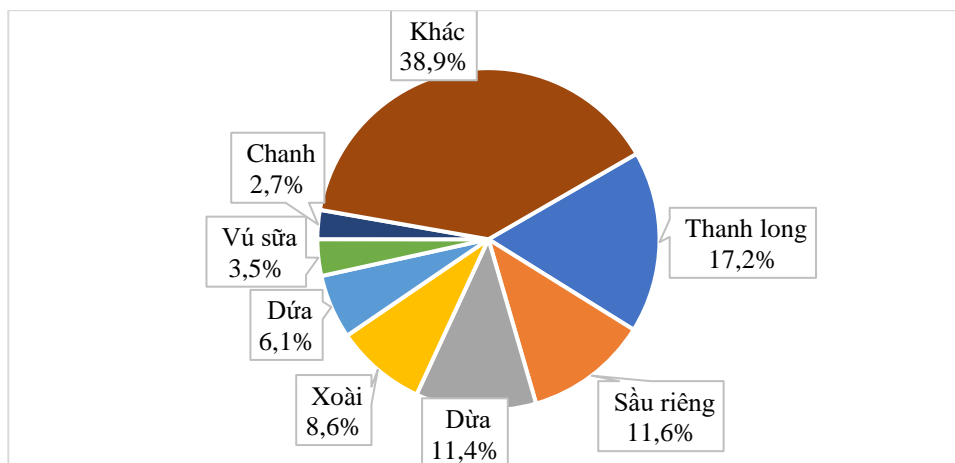


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 1 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 11,6 triệu USD (chiếm 51,9% thị phần, tăng 89,6% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 10,8 triệu USD (chiếm 48,1% thị phần), tăng 63,8%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 4,5 triệu USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,9 triệu USD (tăng 12,7%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,7 triệu USD (tăng 123,7%); v.v.

Trong tháng 1 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: thanh long đạt 3,8 triệu USD (chiếm 17,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 87,9% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt 2,6 triệu USD (chiếm 11,6%), cao gấp 35,5 lần; dứa đạt 2,5 triệu USD (chiếm 11,4%), tăng 102,2%; xoài đạt 1,9 triệu USD (chiếm 8,6%), tăng 199,0%; dứa đạt 1,4 triệu USD (chiếm 6,1%), tăng 140,9%; v.v.

**Hình 5:** Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1 năm 2022



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

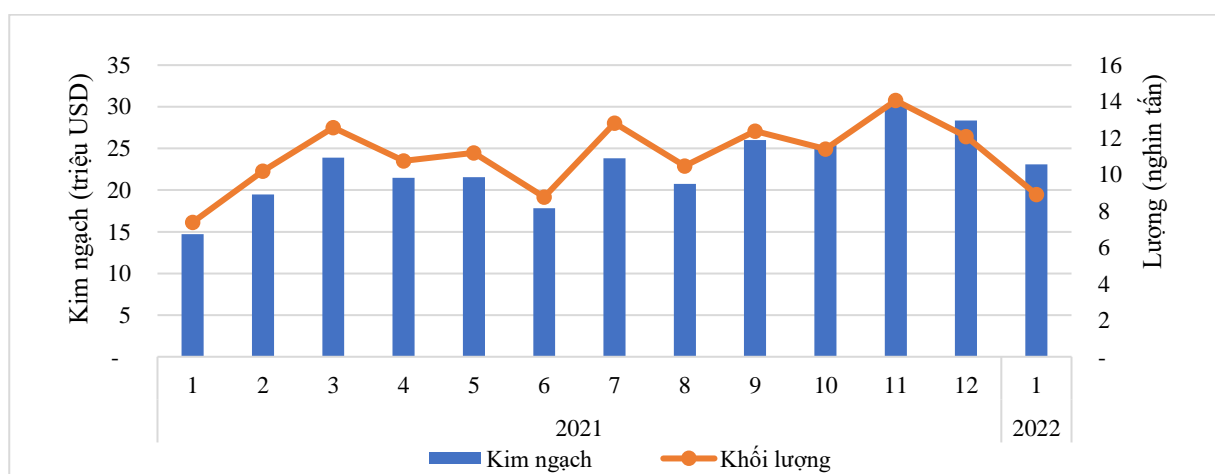
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 1 năm 2022 đạt 24,4 triệu USD, chiếm 14,6% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 35,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 1/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 8,7 triệu USD, chiếm 35,8% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 45,9% so với cùng kỳ năm 2021; hạt dẻ đạt 4,1 triệu USD (chiếm 16,8%), tăng 24,0%; hạnh nhân đạt 3,6 triệu USD (chiếm 14,7%), giảm 49,0%; óc chó đạt 2,8 triệu USD (chiếm 11,4%), giảm 40,8%; nho đạt 2,4 triệu USD (chiếm 9,9%), tăng 16,0%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Hiệp hội cà phê xanh của Hoa Kỳ thông báo tồn kho tại các cảng của nước này đã giảm 37.851 bao tương đương 0,65% trong tháng 01/2022, ở mức 5,795,841 bao vào thời điểm cuối tháng. Trong số này, 58.539 bao đã được đăng ký trong các kho dự trữ cà phê được chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo.

Sự sụt giảm tồn kho cà phê vào cuối tháng 01/2022 đánh dấu tháng giảm thứ 5 liên tiếp đối với tồn kho Cà phê xanh của Hoa Kỳ. Dự báo dự trữ cà phê trong thị trường tiêu thụ sẽ tiếp tục giảm, do các nhà rang xay tiếp tục chuyển sang dự trữ để hỗ trợ tồn kho, trong bối cảnh vận chuyển và logistics toàn cầu vẫn còn nhiều thách thức. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 01/2022 ước đạt 8,9 nghìn tấn với trị giá 23,1 triệu USD, giảm 26,3% về khối lượng và 18,7% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 20,7% về khối lượng và 56,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

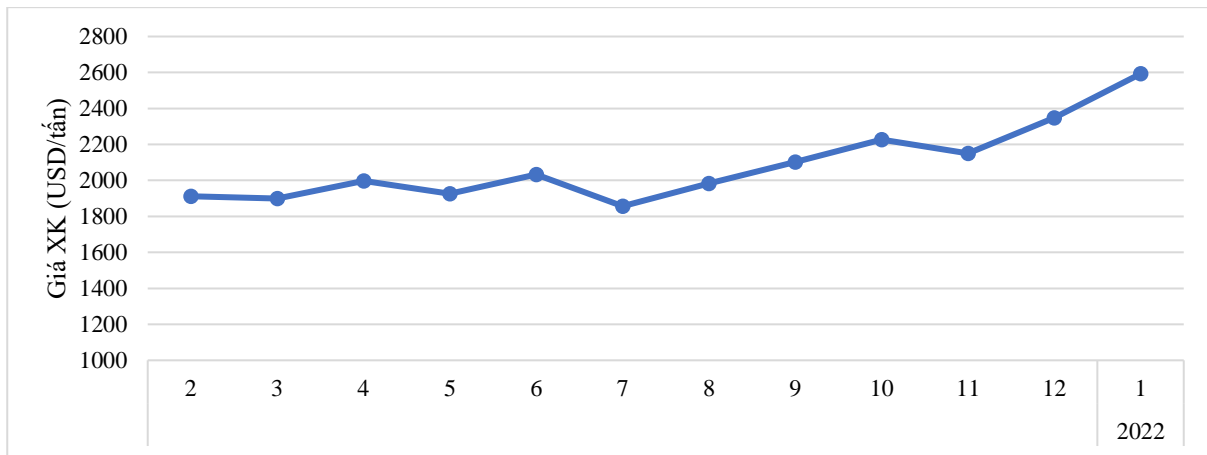
**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 01/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.593 USD/tấn, tăng 10,4% so với tháng trước và tăng 30,0% so với cùng kỳ năm 2021.

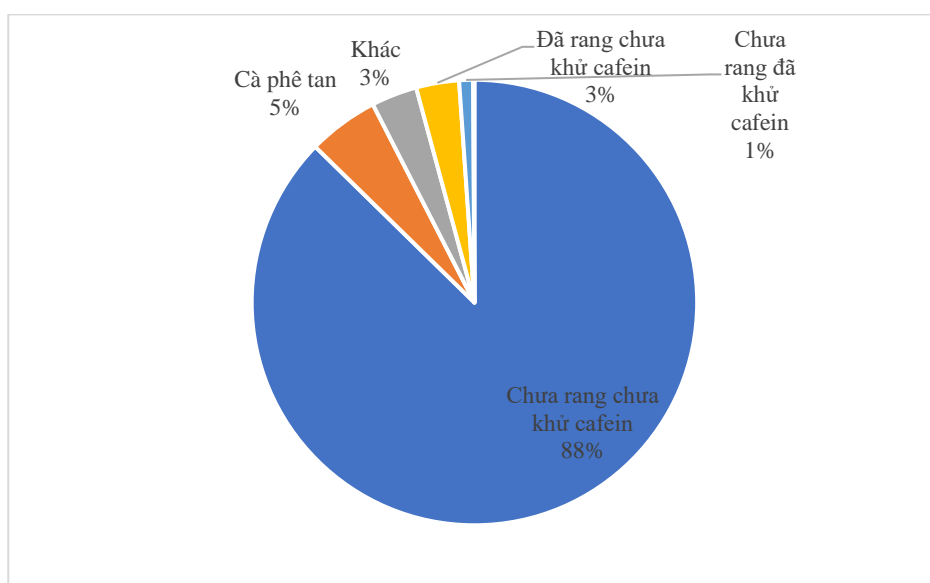
**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 01/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 18,6 triệu USD, chiếm 87,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein và cà phê chưa rang đã khử caffein, chiếm lần lượt 3,1% và 1,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 01/2022**

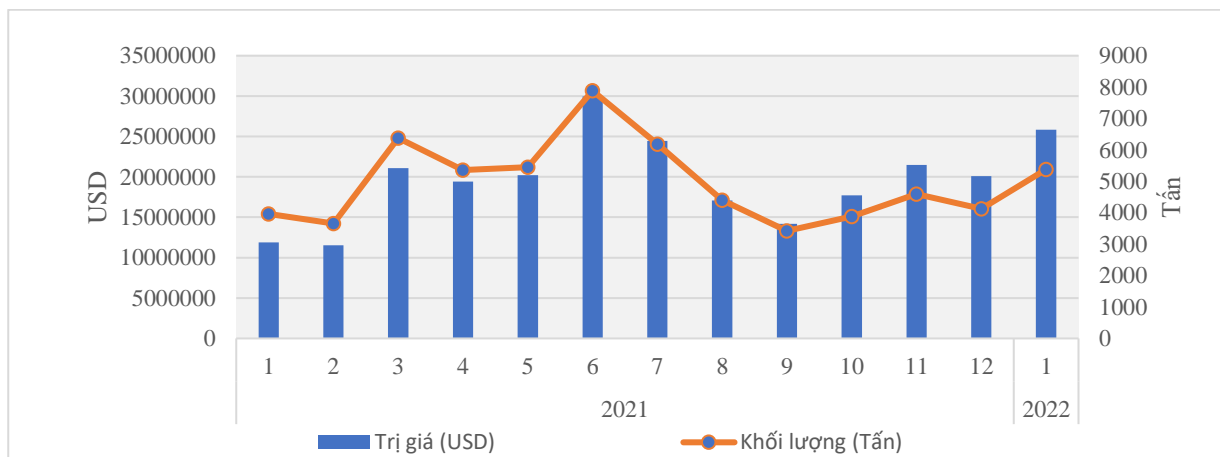


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 1/2022 đạt 5.380 tấn, tương ứng với 25,82 triệu USD, giảm 26,56% về khối lượng và 31,44% về giá trị so với tháng 12/2021. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 28,77% về khối lượng và 82% về giá trị.

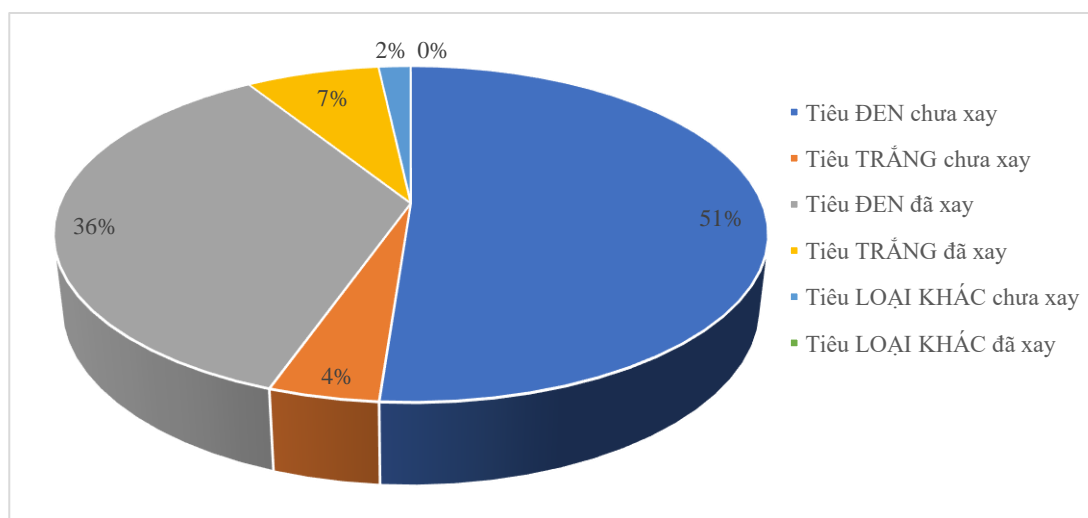
**Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 1/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 61,59% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 139% so với tháng trước đó và 47,4% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 25%, giảm 14,11% so với năm trước nhưng tăng 36,12% so với tháng trước.

**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021**

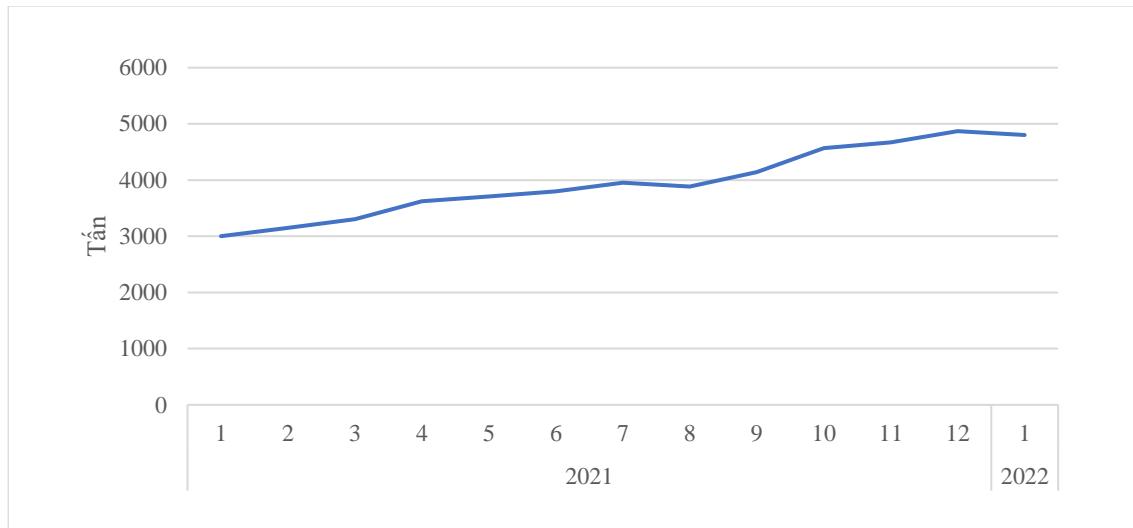


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan



Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 1/2022 đạt 4.801 USD/tấn, giảm 1,4% so với tháng trước nhưng tăng 59,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

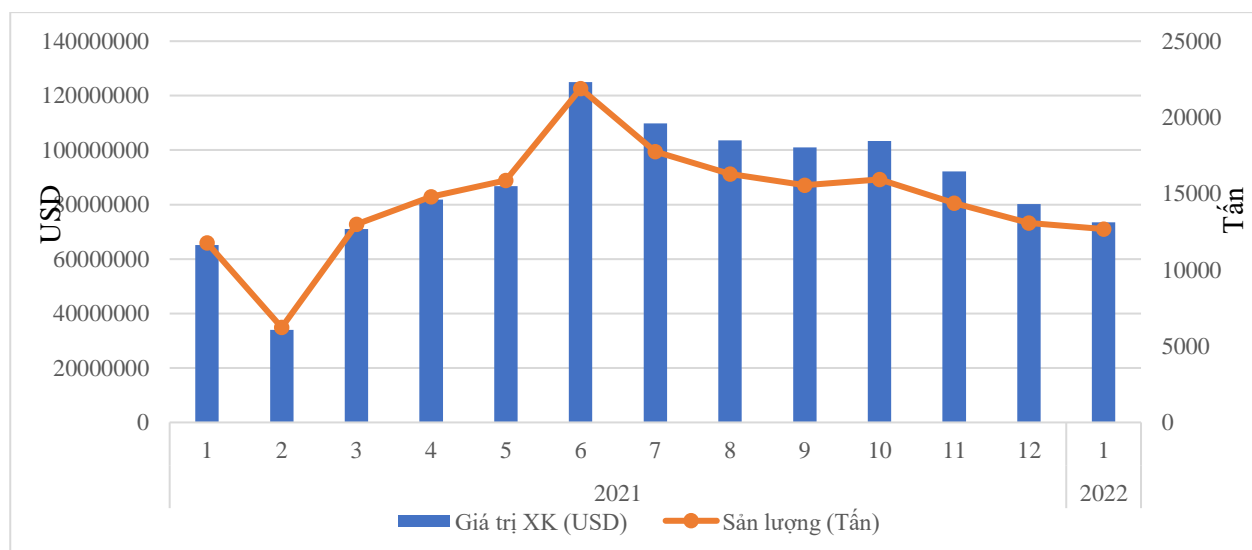


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 12,6 nghìn tấn, trị giá 50,8 triệu USD, tăng 7,6% về khối lượng và 12,7% về giá trị so với tháng cùng kỳ năm trước.

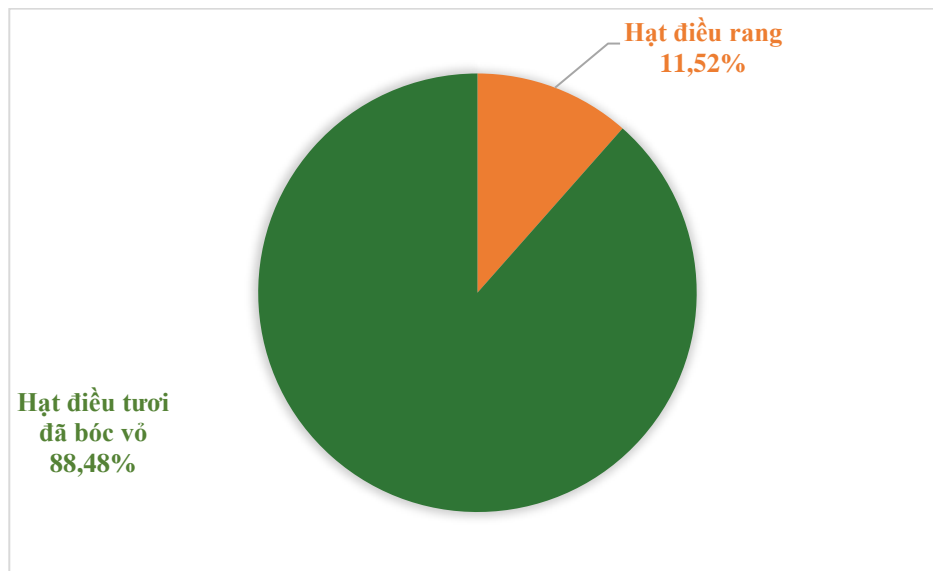
**Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 88,48%, đạt 62,2 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 8,1 triệu USD chiếm 11,5%, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 23,5% so với tháng trước.

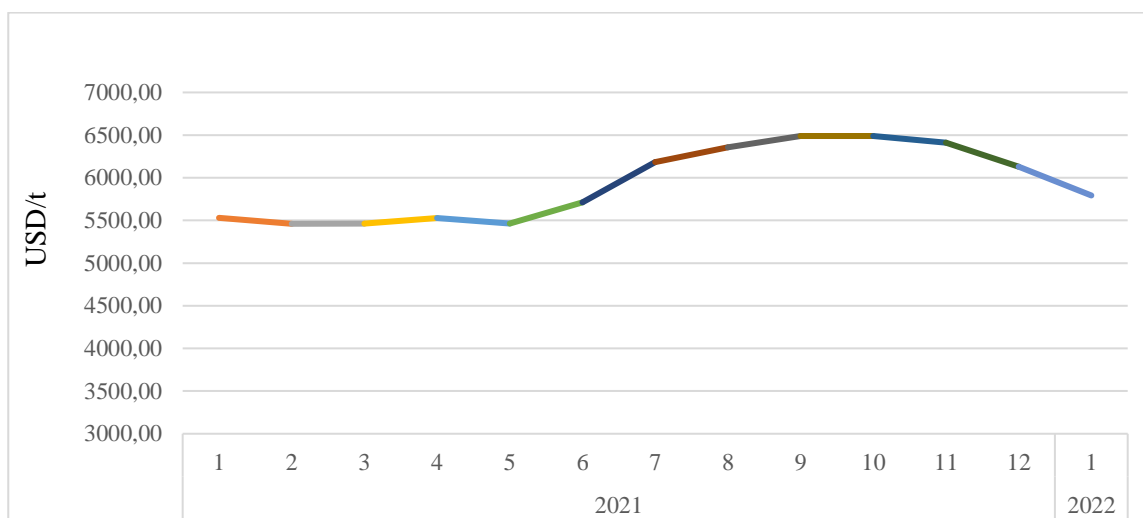
**Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm nhẹ vào cuối năm. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 1/2022 đạt 5.792 nghìn USD/tấn, giảm 5,5% so với tháng trước nhưng tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,7 USD/kg, giảm 6,2% so với tháng trước và tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 6. THỦY SẢN

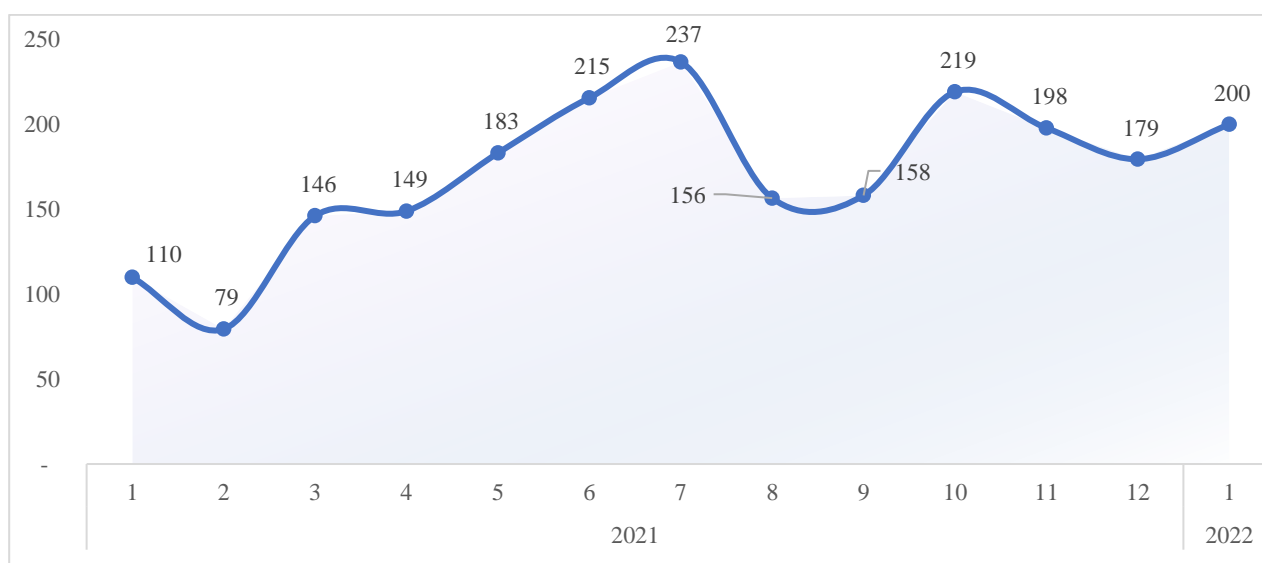
Năm Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã thông báo phân bổ 50 triệu USD (43,9 triệu EUR) quỹ viện trợ không hoàn lại để hỗ trợ ngành thủy sản ở 25 tiểu bang và vùng lãnh thổ. Khoản tài trợ mà Quốc hội đã phân bổ trong phần cứu trợ khẩn cấp COVID-19 của Đạo luật Chiếm đoạt Hợp nhất được thông qua vào tháng 12/2020, sẽ được trao cho các cơ quan nhà nước để giúp các công ty vận hành tàu cá và cơ sở chế biến giảm chi phí lập kế hoạch và thực hiện các kế hoạch ứng phó với đại dịch

Tháng 1/2022, lạm phát và các vấn đề về chuỗi cung ứng đã làm cho doanh thu bán thủy sản của Hoa Kỳ giảm so với tháng 1/2021. Theo dữ liệu từ IRI và 210 Analytics, giá thủy sản tươi sống tại Hoa Kỳ tháng 1/2022 tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá thủy sản đông lạnh trung bình tăng 10,2% so với năm 2021, giá thủy sản khác tăng 7,2%. Tháng 1/2022, doanh thu bán thủy sản tươi sống giảm 7,3% so với tháng 1/2021, xuống 666 triệu USD. Doanh thu bán thủy sản đông lạnh giảm 1% trong tháng 1/2022, xuống 737 triệu USD, nhưng lượng giảm tới 16,2%. Doanh thu bán thủy sản chế biến và bảo quản giảm 1,6% trong tháng 1/2021, xuống 250 triệu USD

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 1/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 199,8 triệu USD, tăng 81,9% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 11,4% so với tháng trước.

**Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2022**

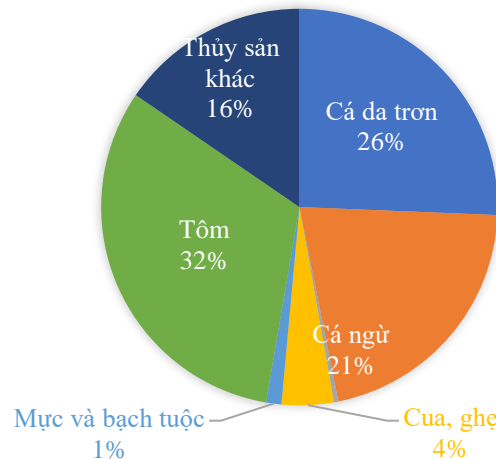
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định, tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 1/2022, chiếm 39,1%, cá da trơn chiếm 25,6%.

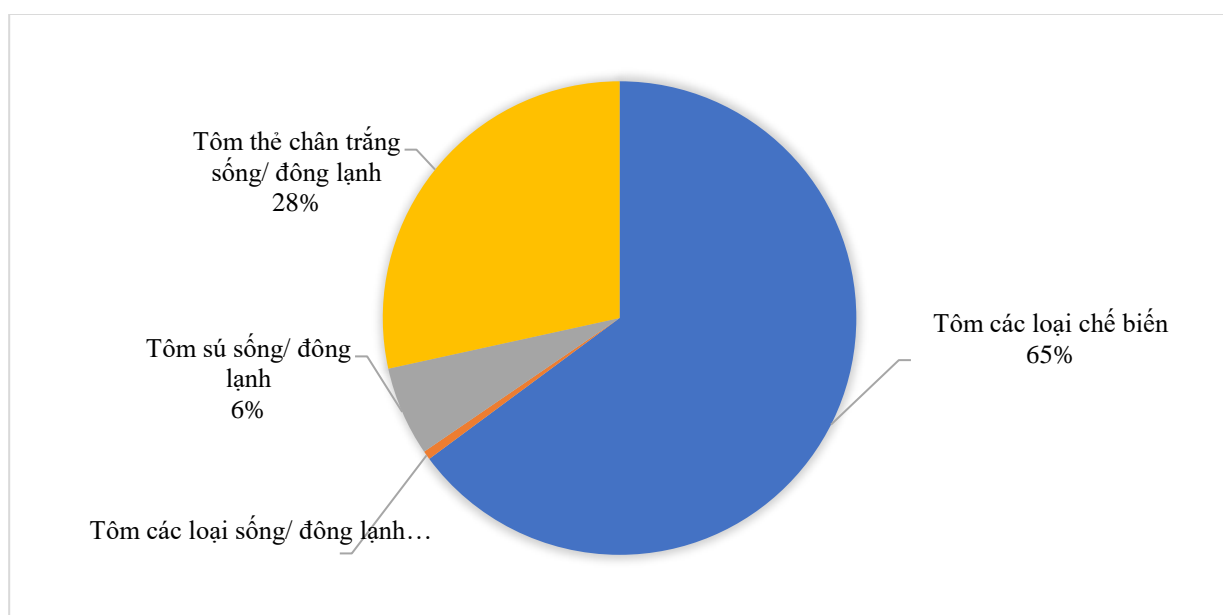
**Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2022**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 1/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 41,3 triệu USD, chiếm 64,9% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 32,7% so với tháng 1/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 18,1 triệu USD, chiếm 24,8%, tăng 73%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 3,9 triệu USD, chiếm 6,1%, tăng 128%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,6%, tăng 31,8%.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2022**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 76,1%). Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 98%, đạt 50,2 triệu USD, tăng 74,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 8,8% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 1/2022 như sau: Cá ngừ đạt 42,4 triệu USD, tăng 190,2% so với tháng 1/2022; cua, ghẹ đạt 8,5 triệu USD, tăng 58,9%; mực bạch tuộc đạt 2,5 triệu USD, tăng 46,1% và thủy sản khác đạt 30,9 triệu USD, tăng 93,1%.

Tháng 1/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11 USD/kg, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 4,5 USD/kg tăng 9,4%. Cụ thể,

**Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,5	9,4%	-42,4%
2	Cá ngừ	11,5	27,4%	3,7%
3	Cua, ghẹ	22,4	41,6%	14,4%
4	Mực và bạch tuộc	13,0	-17,7%	15,2%
5	Tôm	11,0	16,6%	-5,9%

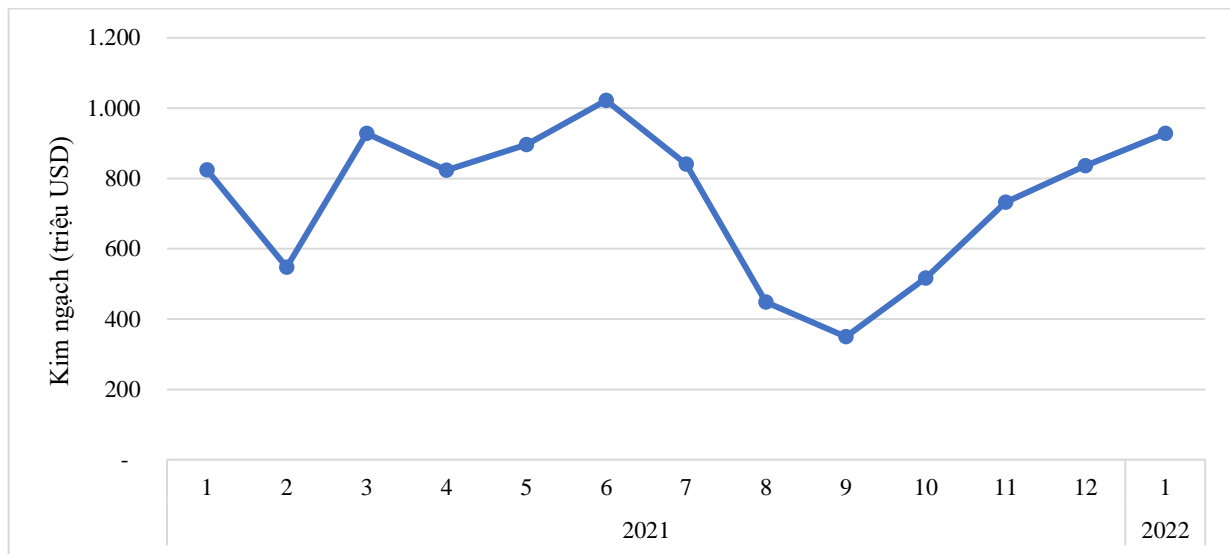
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan.

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ước tính của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ năm 2021 ước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 22,4% so với năm 2020. Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính với tỷ trọng chiếm 87,6% tổng kim ngạch cả năm, tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách, phòng ăn và đồ nội thất phòng ngủ.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 928,2 triệu USD, tăng 11,0% so với tháng trước và 12,7% so với cùng kỳ năm 2021.

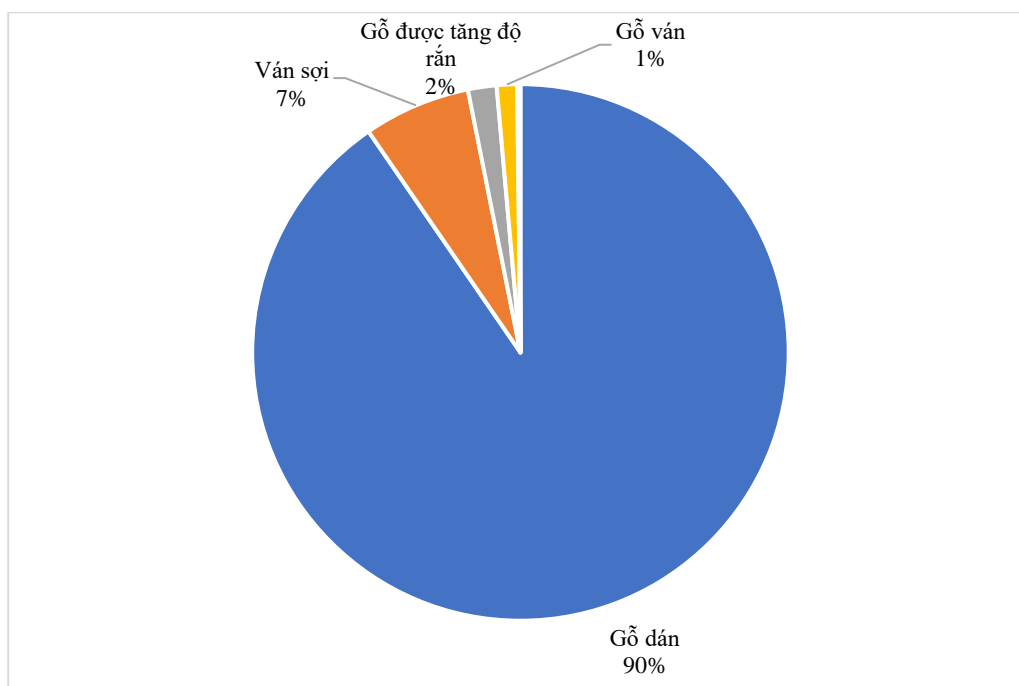
**Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 01/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 63,3 triệu USD, chiếm 90,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 4,5 triệu USD, chiếm 6,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 1,7% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 01/2022**

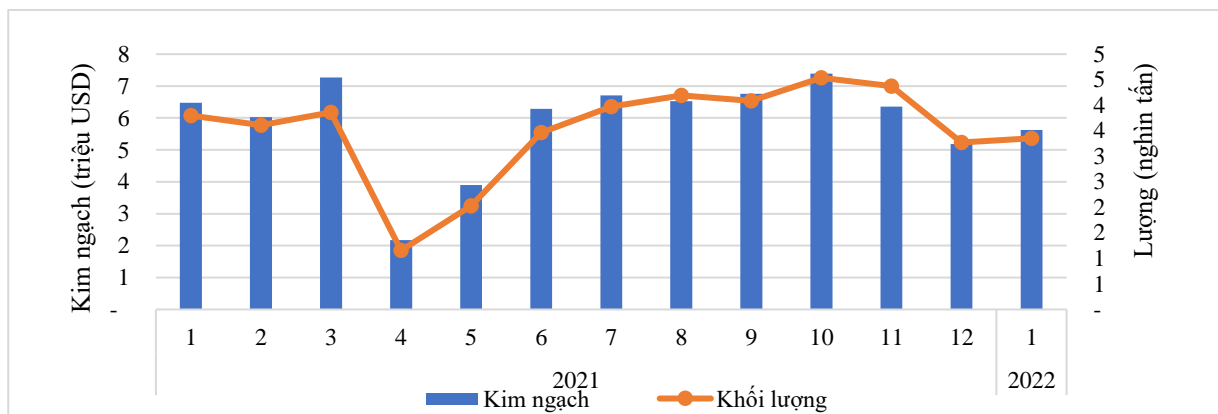


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 01/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,4 nghìn tấn với trị giá 5,6 triệu USD, tăng 2,6% về khối lượng và 8,6% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 11,7% về khối lượng và 13,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

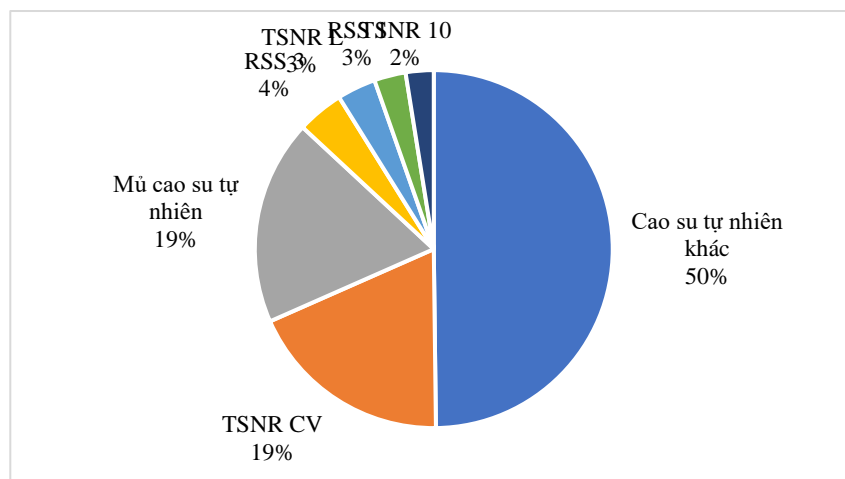
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2022, cao su TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 997,5 nghìn USD, chiếm 18,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 994,6 nghìn USD, chiếm 18,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 4,2% và 3,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

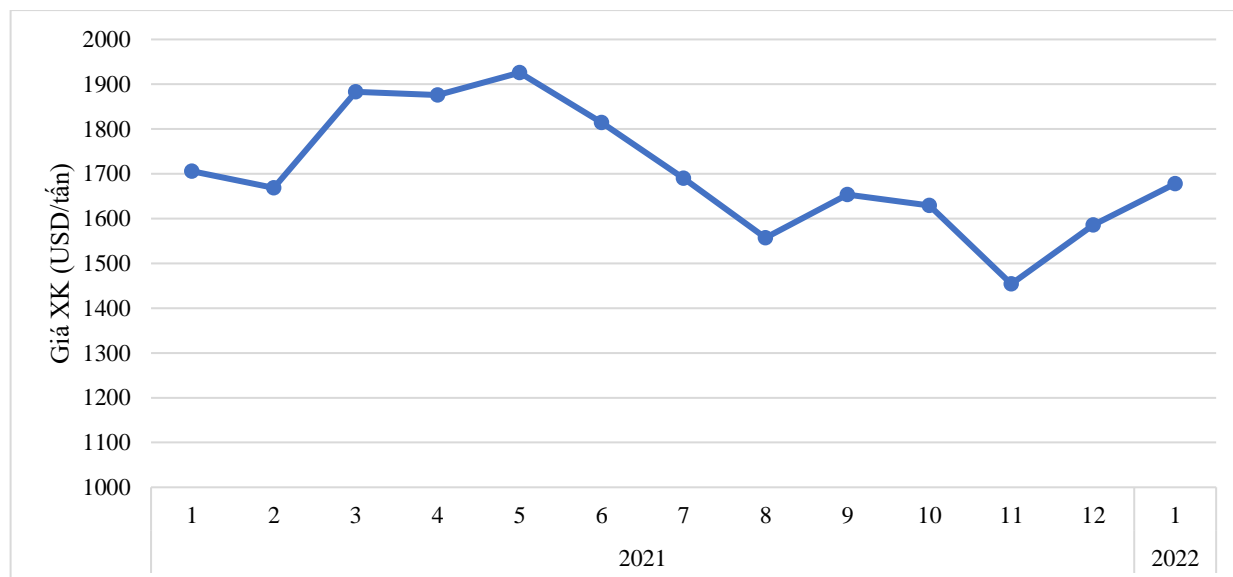
Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 01/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 01/2022 đạt mức 1.678 USD/tấn, tăng 5,9% so với tháng trước nhưng giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Lúa gạo

Trong tháng 2/2022, một số vùng tại phía Nam của Hoa Kỳ đang bước vào vụ sản xuất lúa gạo mùa xuân, tuy nhiên thời tiết mưa không thuận lợi dự kiến sẽ ảnh hưởng tới diện tích gieo trồng. Ngoài ra, tại khu vực đồng bằng sông Mississippi, người dân đang có xu hướng muốn chuyển đổi sang trồng ngô và đậu tương do giá các mặt hàng này có xu hướng tăng. Mặc dù sản xuất giảm nhưng do dự trữ cao nên dự kiến nhập khẩu gạo của Hoa Kỳ trong năm 2022 sẽ không tăng trưởng.

### 2. Cà phê

Theo các nhà phân tích thị trường, dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong năm 2022 sẽ tiếp tục khả quan nhờ nguồn cung dồi dào, các hiệp định thương mại tạo lợi thế cạnh tranh cho cà phê Việt Nam và giá cà phê xuất khẩu nhiều khả năng duy trì ở mức cao. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cũng dự báo, niên vụ 2021/2022, sản lượng cà phê của Việt Nam dự báo đạt 31,1 triệu bao, nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi đã hỗ trợ năng suất.

### 3. Thủy sản

VASEP cho rằng hậu COVID-19, Mỹ là nền kinh tế lớn nhất thế giới đã nhanh chóng hồi sinh trở lại tất cả các kênh tiêu thụ, nhà hàng, khách sạn, trường học.... chuỗi logistics thông suốt, lượng hàng tồn kho đã được giải phóng. Điều này thúc đẩy các nhà xuất khẩu cá tra Việt Nam có thêm cơ hội gia tăng XK sang Mỹ hơn nữa trong năm 2022. Tình hình có vẻ khả quan trong năm nay do nhu cầu nhập khẩu của thị trường này vẫn còn giữ được nhịp độ.

### 4. Gỗ và sản phẩm gỗ

Với sự nỗ lực của doanh nghiệp, để duy trì sản xuất và xuất khẩu, cùng các chính sách linh hoạt của Chính phủ trong giai đoạn khó khăn bởi tác động của dịch bệnh, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Mỹ đã đạt được kết quả tốt trong năm 2021. Tiếp đà tăng trưởng trong năm 2021, dự báo, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ dự báo đạt 10 tỷ USD trong năm 2022.

Dù có nhiều cơ hội, nhưng ngành công nghiệp gỗ, đặc biệt là ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, nhất là các biện pháp phòng vệ thương mại. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu container rỗng tiếp nối từ năm 2020 và đang tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp tới xuất khẩu của Việt Nam khi rủi ro dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn tại nhiều nơi trên thế giới. Vì vậy, khi xuất khẩu sang Mỹ, doanh nghiệp gặp khó khăn về phí logistics. Chi phí vận chuyển 1 container đồ gỗ sang Mỹ dao động từ 20.000 - 30.000 USD, tăng gấp 4 lần so với trước đây, điều này khiến sức cạnh tranh của hàng Việt Nam bị ảnh hưởng..

### 5. Cao su

Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) ước tính sản lượng cao su toàn cầu năm 2022 đạt khoảng 14,55 triệu tấn, tiêu thụ ở mức 14,4-14,8 triệu tấn. Tiêu thụ

cao su được dự báo sẽ tăng 2-5%, do đó, sản lượng năm 2022 có thể ít hơn nhu cầu. ANRPC dự báo, yếu tố hỗ trợ giá cao su năm 2022 bao gồm điều kiện thời tiết và dịch COVID-19 khiến nhu cầu găng tay cao su và quần áo bảo hộ cá nhân tăng.

Trong khi đó, những thách thức có thể ảnh hưởng đến nhu cầu cao su bao gồm thiếu chất bán dẫn (có thể ảnh hưởng đến sản xuất ô tô), tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng.

## PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 1/2022 (USD)	Tăng/giảm so T12/2021	Tăng /giảm so T1/2021	Tỷ trọng T1/2022
1	Cà phê	23,078,503	-59.0%	56.9%	1.7%
2	Cao su	5,628,587	-57.1%	-13.2%	0.4%
3	Chè	514,921	-61.3%	42.7%	0.0%
4	Gạo	1,855,732	15.2%	36.4%	0.1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	928,184,385	-14.2%	12.7%	68.0%
6	Hàng rau quả	22,353,640	-34.9%	69.4%	1.6%
7	Hàng thủy sản	199,791,578	-43.8%	81.9%	14.6%
8	Hạt điều	73,459,693	-62.0%	12.7%	5.4%
9	Hạt tiêu	25,828,122	-27.6%	117.1%	1.9%
10	Mây tre đan	46,593,009	-8.3%	67.4%	3.4%
11	SP từ cao su	28,088,587	-47.6%	-8.0%	2.1%
12	TĂGS &NL	9,958,499	-3.1%	-0.1%	0.7%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>1,253,984,400</b>			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

Loại sản phẩm	Tháng 1/2022		Tháng 1/2021		So sánh T1.2022/T1.2021	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.412	1.125.879	1.938	1.580.468	37,3%	40,4%
Gạo trắng	346	206.371	414	258.048	19,6%	25,0%
Các loại gạo khác	39	28.673	23	17.215	-40,8%	-40,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 1/2022**

TT	Sản phẩm	T1/2022	T1/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2022/T1.2021
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>13.193.717</b>	<b>22.353.640</b>	<b>69,4%</b>
1	Thanh long	2.045.835	3.844.486	87,9%
2	Sầu riêng	73.320	2.602.215	3449,1%
3	Dừa	1.259.574	2.547.079	102,2%
4	Xoài	641.088	1.917.140	199,0%
5	Dứa	563.512	1.357.653	140,9%
6	Vú sữa	565.847	773.047	36,6%
7	Chanh	460.050	614.132	33,5%
8	Nấm các loại	480.531	539.034	12,2%
9	Khác	7.103.959	8.158.852	14,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 1/2022**

Mặt hàng	T1/2022 (USD)	T1/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
Chưa rang chưa khử cafein	11.434.496	18.567.498	62,38%
Cà phê tan	2.046.778	1.090.352	-46,73%
Khác	503.242	707.308	40,55%
Đã rang chưa khử cafein	398.451	661.949	66,13%
Chưa rang đã khử cafein	353.125	215.672	-38,92%
Đã rang đã khử cafein		18.511	
<b>Tổng</b>	<b>14.736.093</b>	<b>21.261.290</b>	<b>44,28%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 1/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 1/2022	Tháng 1/2021	So sánh T1.2022/ T1.2021
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	51.231.448,7	29.093.061,7	76,1%
Cá ngừ	42.373.652,6	14.603.031,5	190,2%
Cá rô phi	717.379,8	327.174,0	119,3%
Cua, ghe	8.469.905,4	5.330.239,7	58,9%
Mực và bạch tuộc	2.497.771,1	1.063.029,5	135,0%
Tôm	63.635.814,5	43.549.724,9	46,1%
Thủy sản khác	30.865.605,9	15.858.848,6	94,6%
<b>Tổng</b>	<b>199.791.578,0</b>	<b>109.825.110,0</b>	<b>81,9%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*